

PHÒNG THƯƠNG MẠI
VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Số 2666/PTM-PC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 19 tháng 11 năm 2018

V/v một số đề xuất về phát triển và
kinh doanh đối với doanh nghiệp nữ

HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP CAO CẤP
TỈNH SÀI GÒN

CÔNG VĂN ĐỀN

Số: 14/ĐA
Ngày: 28 tháng 03 năm 2019

Chuyển:

Kính gửi: Quý Hội/Hội

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) với sự hỗ trợ của Chương trình Australia hỗ trợ cải cách kinh tế Việt Nam (Aus4Reform) đã thực hiện báo cáo sơ bộ về “Tiếp cận dịch vụ hỗ trợ kinh doanh đối với doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ”. Báo cáo này được thực hiện nhằm hướng tới mục tiêu thúc đẩy nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ, thông qua việc tìm hiểu thực trạng cung cấp dịch vụ hỗ trợ kinh doanh (business development services) đối với các doanh nghiệp nữ, từ đó và đề xuất một số giải pháp nâng cao chất lượng và hiệu quả của dịch vụ này, góp phần thúc đẩy các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ hình thành và tăng trưởng, tiến tới đạt được mục tiêu đặt ra trong Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới 2011-2020 “Tỷ lệ nữ làm chủ doanh nghiệp đạt 30% vào năm 2015 và từ 35% trở lên vào năm 2020”.

Nội dung của Báo cáo bao gồm các thông tin tổng quan về bối cảnh, thực trạng doanh nghiệp nữ tại Việt Nam, các vấn đề về nhận thức và thực trạng tiếp cận dịch vụ hỗ trợ kinh doanh của các doanh nghiệp nữ, một số thực tiễn tốt trong cung cấp dịch vụ hỗ trợ kinh doanh cho doanh nghiệp nữ và các đề xuất, kiến nghị ban đầu.

VCCI trân trọng kính gửi Quý Hội/Hội các đề xuất từ báo cáo này và rất mong tiếp tục nhận được các thông tin, chia sẻ từ Quý Hội/Hội về các vấn đề liên quan. Xin vui lòng liên hệ:

Ban Pháp chế VCCI - Số 9 Đào Duy Anh, Đồng Da, Hà Nội

ĐT: 024.35770632; Fax: 024.35771459

Email: xdphapluat@vcci.com.vn / xdphapluatvcci@gmail.com

Trân trọng cảm ơn.

Noi nhận:

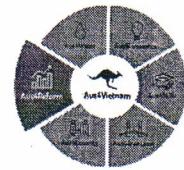
- Như trên;
- Lưu VP (VT, TH), PC.

TL. CHỦ TỊCH

TRƯỞNG BAN PHÁP CHẾ



Đậu Anh Tuấn



TÓM TẮT KIẾN NGHỊ SƠ BỘ

**TĂNG CƯỜNG TIẾP CẬN
DỊCH VỤ HỖ TRỢ KINH DOANH
ĐỐI VỚI CÁC DOANH NGHIỆP NỮ
TẠI VIỆT NAM**

Hà Nội, tháng 11 năm 2018

Chương trình “Australia hỗ trợ cải cách kinh tế Việt Nam” (Aus4Reform) được thực hiện theo Thỏa thuận tài trợ ngày 21 tháng 11 năm 2017 giữa Chính phủ Australia và Chính phủ Việt Nam nhằm mục tiêu hỗ trợ các cơ quan Việt Nam đạt được các mục tiêu của Đề án tái cơ cấu kinh tế của Chính phủ Việt Nam, cụ thể là xây dựng nền kinh tế có năng lực cạnh tranh quốc tế với năng suất lao động tăng, mức độ tham nhũng giảm, thu nhập và việc làm tăng nhanh hơn.

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) chịu trách nhiệm thực hiện Dự án (Câu phần 4) **Tăng cường tiếng nói của doanh nghiệp trong thực hiện tái cơ cấu kinh tế** với hai mục tiêu lớn, trong đó có: **Thúc đẩy nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ** (women economic empowerment).

Báo cáo sơ bộ “*Tiếp cận dịch vụ hỗ trợ kinh doanh đối với doanh nghiệp nữ*” tìm hiểu thực trạng cung cấp dịch vụ hỗ trợ kinh doanh (business development services) đối với các doanh nghiệp nữ, từ đó đề xuất một số giải pháp nâng cao chất lượng và hiệu quả của dịch vụ hỗ trợ để thúc đẩy cộng đồng doanh nghiệp do nữ làm chủ (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp nữ) phát triển.

Nâng cao quyền năng kinh tế của phụ nữ, nâng cao vị thế lãnh đạo cho nữ giới và bình đẳng giới được coi là một trong những cách thức nâng cao năng suất xã hội, hướng tới nền kinh tế bền vững hơn. Khuyến khích sự tham gia của phụ nữ vào kinh doanh có ảnh hưởng tích cực tới sự phát triển kinh tế xã hội, tạo việc làm, giảm nghèo, đóng góp hiệu quả cho trách nhiệm xã hội và giúp đạt Mục tiêu Phát triển bền vững. Tuy nhiên, số lượng doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ trên thực tế (chưa đến 30% tổng số doanh nghiệp) chưa tương ứng với tỷ lệ tham gia lao động của phụ nữ trong nền kinh tế (xấp xỉ 50%) và tiềm năng phát triển của các doanh nghiệp nữ chưa được khai thác tương xứng. Doanh nghiệp nữ chủ yếu là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, thậm chí siêu nhỏ, sau đây gọi tắt là DNNVV. DNNVV do phụ nữ làm chủ gặp nhiều khó khăn gắn liền với yếu tố giới của chủ doanh nghiệp trong phát triển, bao gồm: tiếp cận nguồn lực, thông tin, kiến thức, kỹ năng và mạng lưới kinh doanh. Tháo gỡ khó khăn và hỗ trợ DNNVV do phụ nữ làm chủ vừa giúp khai thác tiềm năng cho tăng trưởng vừa góp phần thực hiện nâng cao quyền năng kinh tế của phụ nữ.

Báo cáo này dựa trên việc khai thác và phân tích dữ liệu khảo sát trên 10 nghìn doanh nghiệp dân doanh tại 63 tỉnh, thành phố của Việt Nam và phỏng vấn thực tế ở 8 tỉnh, thành phố để đánh giá cụ thể thực trạng cung cấp và tiếp cận dịch vụ hỗ trợ kinh doanh, từ đó có các đề xuất nhằm đáp ứng nhu cầu hỗ trợ phát triển cho DNNVV do phụ nữ làm chủ, phù hợp với Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam.

Những nhận định và kiến nghị trong báo cáo là quan điểm của nhóm nghiên cứu dựa trên kết quả khảo sát doanh nghiệp và phỏng vấn thực tế. Kết quả này không nhất thiết phản ánh quan điểm của VCCI hay cơ quan hỗ trợ tài chính và kỹ thuật cho nghiên cứu này.

1. Dịch vụ hỗ trợ kinh doanh cho các DNNVV

Trên thế giới, nhiều nghiên cứu và đánh giá thực tiễn đã chỉ ra rằng nếu chỉ có các dịch vụ tài chính sẽ không dẫn đến tăng trưởng kinh doanh của khối DNNVV. Để thúc đẩy doanh nghiệp phát triển cần có các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh (DVHTKD).

DVHTKD là các dịch vụ phi tài chính, đóng vai trò là tác nhân cơ bản tạo thuận lợi cho sự phát triển của khối doanh nghiệp tư nhân, giúp các DNNVV tăng trưởng có lợi nhuận hơn, để khối doanh nghiệp tư nhân trở thành động lực phát triển xã hội một cách toàn diện.

DVHTKD là các dịch vụ cung cấp cho từng doanh nghiệp làm nâng cao hiệu quả hoạt động, tiếp cận thị trường và năng lực cạnh tranh trong hoạt động hàng ngày và cả ở cấp độ trong chiến lược¹. Định nghĩa này sau đó cũng được UNDP nhắc lại (năm 2004).

Bao gồm:

- Đào tạo
- Tư vấn
- Hỗ trợ thị trường (tập trung vào bán hàng)
- Thông tin
- Phát triển và chuyển giao công nghệ
- Thúc đẩy liên kết kinh doanh

Các dạng hỗ trợ DNNVV²:

- Thông tin và quảng bá: bao bì đóng gói, biển chỉ dẫn
- Dịch vụ thông tin chuyên ngành (pháp luật, thị trường, nguồn tài chính, hỗ trợ kỹ thuật)
- Dịch vụ tư vấn: lập kế hoạch kinh doanh, thực hiện các chức năng kinh doanh cơ bản (bán hàng, tiếp thị, tài chính kế toán, dịch vụ khách hàng, quản lý nhân lực, nghiên cứu và phát triển, sản xuất, phân phối), cố vấn, tìm kiếm đối tác
- Đào tạo khởi sự, điều hành và tăng trưởng doanh nghiệp
- Cơ sở kinh doanh: vườn ươm, công viên công nghệ, các trung tâm doanh nghiệp
- Mạng lưới: cụm, chuỗi cung ứng, hội chợ

DVHTKD hướng tới:

¹ OECD (2001)

² European Commission (2002)

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp cụ thể, việc tiếp cận thị trường và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp đó
- Tăng lợi nhuận và thúc đẩy doanh nghiệp tăng trưởng (điều này dẫn đến tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm, tăng thu nhập và phúc lợi để nâng cao chất lượng cuộc sống)
- Tăng thêm giá trị cho hàng hóa và dịch vụ

Đối với các DNNVV, đặc biệt là các doanh nghiệp siêu nhỏ, DVHTKD là phương thức quan trọng để hỗ trợ phát triển, giúp tạo việc làm, thu nhập và đóng góp cho phát triển và tăng trưởng kinh tế. Việc làm và thu nhập có ý nghĩa đặc biệt quan trọng tương tự như việc quan tâm tới khu vực nông thôn nghèo, các cộng đồng và các nhóm dễ bị tổn thương. Trong bối cảnh này, việc cung cấp các DVHTKD có chất lượng là cách thức quan trọng để đạt tới các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ (Millennium Development Goals - MDGs).

2. Doanh nghiệp nữ tại Việt Nam

2.1 Thông tin chung

Việt Nam đang kiên trì theo đuổi các mục tiêu phát triển bền vững, trong đó có mục tiêu về bình đẳng giới. Theo Báo cáo Rà soát quốc gia tự nguyện thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam năm 2018: lao động nữ chiếm 48,3% lực lượng lao động. Nếu phụ nữ được trả tiền cho công việc chăm sóc không lương của họ, họ sẽ đóng góp hơn 20% GDP của Việt Nam. Trong khối doanh nghiệp, có tới 98% số doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ có quy mô nhỏ và siêu nhỏ, trong đó doanh nghiệp siêu nhỏ chiếm tới 71%.

Theo Báo cáo “Doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ tại Việt Nam: Nhận thức và tiềm năng”³: các nữ doanh nhân tạo ra lợi nhuận hàng năm tương đương với các nam doanh nhân, và doanh nghiệp của họ đang tăng trưởng với tốc độ trên 20%. Nhưng khi cần vay vốn, phụ nữ thường gặp khó khăn hơn so với nam giới. Dù môi trường đầu tư trong nước tạo điều kiện thuận lợi cho phụ nữ, đa phần các ngân hàng hoặc cho rằng không cần đưa ra một cách tiếp cận riêng đối với các nữ doanh nhân, hoặc đánh giá phân khúc này là ít lợi nhuận hơn, nhiều rủi ro hơn và thiếu kỹ năng quản lý tài chính.

Tỷ lệ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ trong tổng số doanh nghiệp còn thấp, có nhiều số liệu thống kê khác nhau nhưng chỉ khoảng 31% trở xuống.

Theo số liệu Điều tra Lao động việc làm năm Quý IV 2017, tỷ lệ nữ làm chủ cơ sở trên phạm vi toàn quốc là 27,8%, tuy nhiên có khoảng cách khá lớn về tỷ lệ này tại khu vực thành thị và nông thôn (33,2% tại thành thị và 20,1% tại nông thôn).

³ IFC, 2017

Báo cáo này đồng thời chỉ ra rằng, trong hai năm vừa qua, chỉ 37% DNNVV do phụ nữ làm chủ tiếp cận được các khoản vay ngân hàng, so với 47% doanh nghiệp thuộc sở hữu của nam giới. Dù môi trường đầu tư trong nước tạo điều kiện thuận lợi cho phụ nữ, đa phần các ngân hàng hoặc cho rằng không cần đưa ra một cách tiếp cận riêng đối với các nữ doanh nhân, hoặc đánh giá phân khúc này là ít lợi nhuận hơn, nhiều rủi ro hơn và thiếu kỹ năng quản lý tài chính.

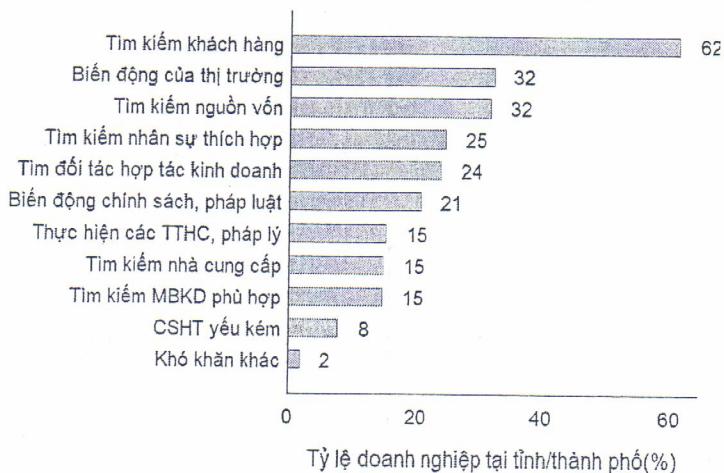
Tỷ lệ thấp và có sự chênh lệch như vậy là do phụ nữ còn gặp nhiều rào cản và khó khăn trong khởi nghiệp cũng như vận hành doanh nghiệp, và đây là tình trạng chung không chỉ ở Việt Nam. Theo Báo cáo khoảng cách giới toàn cầu 2017(Global Gender Gap), phụ nữ có nguy cơ mất việc nhiều hơn nam giới và mặc dù thu nhập toàn cầu đang tăng lên, nhưng nam giới vẫn có mức tăng nhanh hơn. Ngoài ra, phụ nữ chỉ chiếm 22% vị trí lãnh đạo trong các công ty, tổ chức. Việt Nam xếp thứ 69 trên tổng số 144 quốc gia được khảo sát, tụt 5 bậc so với năm ngoái.

Doanh nghiệp do nữ làm chủ có các điểm mạnh về sự bền bỉ trước khó khăn, thường quan tâm đến các chính sách cho người lao động, đóng góp cho xã hội do đặc thù tính giới của nữ lãnh đạo. Và mặc dù việc tăng cường trao quyền cho phụ nữ trong nền kinh tế đang được đẩy mạnh, nhưng các DNNVV do nữ làm lãnh đạo còn gặp nhiều khó khăn, thách thức như quy mô nhỏ, sức cạnh tranh của doanh nghiệp còn thấp; trình độ năng lực quản trị doanh nghiệp và tiếp cận thông tin, công nghệ còn hạn chế; nữ doanh nhân lại phải cùng một lúc gánh trách nhiệm kép, định kiến xã hội và quan niệm sai lầm về vai trò của phụ nữ trong kinh doanh vẫn còn tồn tại.

2.2 Khó khăn mà doanh nghiệp nữ đang đối mặt

Theo điều tra PCI, doanh nghiệp do nữ làm chủ hiện nay đang gặp rất nhiều khó khăn, khó khăn lớn nhất là tìm kiếm khách hàng (62% doanh nghiệp trả lời gặp khó khăn này), sau đó là khó khăn về tìm kiếm nguồn vốn và biến động thị trường).

Doanh nghiệp do nữ làm chủ hiện đang gặp khó khăn gì?



Nguồn: VCCI-USAID, Điều tra PCI 2017

Theo một nghiên cứu khác của VCCI⁴, các doanh nghiệp nữ gặp khó khăn ở các vấn đề sau:

- Chi phí, dịch vụ đầu vào cao (49%)
- Lao động chất lượng cao không có sẵn (49%)
- Thiếu chính sách hỗ trợ doanh nghiệp phù hợp (47%)
- Tiếp cận thị trường, bán hàng (43%)
- Tiếp cận các dịch vụ tài chính (42%)
- Thủ tục hành chính, pháp lý (32%)
- Cung ứng nguyên vật liệu (28%)
- Thiếu thông tin, kiến thức, kỹ năng (25%)
- Cơ sở hạ tầng địa phương chưa đồng bộ (23%)
- Năng lực quản trị doanh nghiệp (21%)
- Thiếu sự kết nối (20%)
- Cân bằng công việc kinh doanh và gia đình (17%)
- Thiếu người kế nghiệp (11%)

2.3 Thực tiễn và thị trường cung cấp DVHTKD cho doanh nghiệp nữ

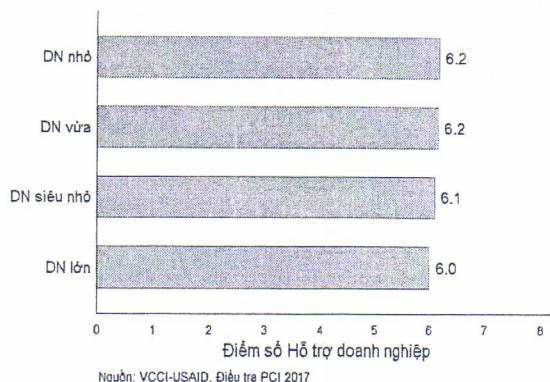
Các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh nói chung đang được nhiều tổ chức cung cấp, như các đơn vị thuộc khối cơ quan nhà nước, VCCI, các hiệp hội doanh nghiệp, các tổ chức phi chính phủ, Viện nghiên cứu và các trường đại học, các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân. Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam cũng tổ chức các câu lạc bộ doanh nhân nữ với các hoạt động đào tạo về các kiến thức tài chính và quản lý cơ bản.

2.4 Chất lượng của các DVHTKD

Nghiên cứu PCI đã chỉ ra rằng sự phát triển của các DVHTKD (từ tìm kiếm thông tin kinh doanh, xúc tiến thương mại, tư vấn pháp luật, dịch vụ về công nghệ, đào tạo về quản trị doanh nghiệp, dịch vụ về lao động...) trừ 5 thành phố trực thuộc trung ương, thì tại phần lớn các tỉnh, thành phố tại Việt Nam còn rất hạn chế, thậm chí có chất lượng thấp. Điều này có thể lý giải ít nhiều cho hiện tượng số lượng doanh nghiệp tạm ngưng hoạt động, giải thể, phá sản đang gia tăng, khi họ không tìm kiếm được những dịch vụ tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp cần thiết cho quá trình tái cơ cấu để duy trì hoạt động.

⁴ “Đánh giá nhu cầu hỗ trợ của doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ ở Việt Nam”, 04/2018, VCCI, Quỹ Châu Á (TAF), Sáng kiến Hỗ trợ khu vực tư nhân vùng Mekong (MBI)

Điểm số Hỗ trợ doanh nghiệp của doanh nghiệp do nữ làm chủ
theo quy mô doanh nghiệp



3. Kiến nghị ban đầu

Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới 2011-2020 đã đặt ra mục tiêu “Giảm khoảng cách giới trong lĩnh vực kinh tế, lao động, việc làm; tăng cường sự tiếp cận của phụ nữ nghèo ở nông thôn, phụ nữ người dân tộc thiểu số đối với các nguồn lực kinh tế, thị trường lao động”, trong đó, chỉ tiêu 2 là “Tỷ lệ nữ làm chủ doanh nghiệp đạt 30% vào năm 2015 và từ 35% trở lên vào năm 2020”.

Để đạt được mục tiêu này cần rất nhiều nỗ lực từ nhiều phía, trên nhiều phương diện khác nhau, trong đó, song hành cùng các dịch vụ hỗ trợ tài chính, DVHTKD có vai trò và tác động rất lớn.

3.1 Tăng cường nhận thức về tầm quan trọng của doanh nghiệp nữ và DVHTKD đối với doanh nghiệp nữ

Như đã phân tích trong những phần trên, hầu hết các DVHTKD do cơ quan nhà nước và các hiệp hội doanh nghiệp cung cấp đều không có chương trình hỗ trợ riêng cho các doanh nghiệp nữ, do đó, rất cần phải thay đổi điều này, bằng cách tuyên truyền sâu rộng về vai trò của doanh nghiệp nữ, những khó khăn của doanh nghiệp nữ và quy định pháp luật về hỗ trợ riêng cho doanh nghiệp nữ tới các cấp chính quyền, tới các hiệp hội doanh nghiệp, các tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp, các doanh nghiệp nữ.

Những vấn đề về bình đẳng giới cũng phải được lồng ghép vào các chương trình tổ chức cho các doanh nhân thông qua các hiệp hội doanh nghiệp, đơn vị cung cấp DVHTKD và các tổ chức phi chính phủ. Ví dụ, các chương trình đào tạo kinh doanh nên quan tâm tới việc phân chia bình đẳng trong việc gia đình, việc ra quyết định trong gia đình và trong kinh doanh, tính linh hoạt và vấn đề xây dựng mạng lưới.

Đối với các doanh nghiệp nữ nói riêng và với các DNNVV nói chung trong đó có cả khởi nghiệp sáng tạo, có một tiềm thức ăn sâu là khi doanh nghiệp còn nhỏ, làm gì có tiền để thuê ngoài, hoặc họ sẽ chọn chưa làm hoặc tự làm hết tất cả. Nhưng nếu như trong một doanh nghiệp mà người chủ doanh nghiệp chỉ là một

hoặc một nhóm chấp nhận làm tất cả, thì sẽ không còn thời gian để tập trung cho giá trị cốt lõi của mình nữa.

Với những cơ hội mà internet mở ra cho những doanh nghiệp nhỏ và vừa thậm chí siêu nhỏ, có thể thấy doanh nghiệp càng nhỏ càng nên tận dụng DVHTKD để tham gia một cách chuyên nghiệp hơn vào chuỗi cung ứng thay vì tự mình làm tất cả. Điều đó càng khẳng định, sử dụng các dịch vụ phát triển kinh doanh là một xu hướng không thể cưỡng lại. Do đó, chính các doanh nghiệp cũng phải nhận thức được điều này.

3.2 Hoàn thiện hệ thống pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nữ

Hệ thống văn bản hướng dẫn các quy định liên quan đến hỗ trợ doanh nghiệp nữ theo quy định của Luật Hỗ trợ DNVVN cần sớm được hoàn thiện để triển khai đồng bộ.

Các quy định về hỗ trợ doanh nghiệp nữ còn mang tính chung chung, chỉ là “doanh nghiệp nhỏ và vừa do nữ làm chủ, doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động nữ hơn nộp hồ sơ đáp ứng đủ điều kiện được hỗ trợ trước”, như vậy vẫn chưa có sự định hướng riêng cho nhóm đối tượng đặc thù là doanh nghiệp nữ.

Nghị định 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn và Dự thảo Nghị định về Quỹ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa đang được soạn thảo đều không có quy định gì về hỗ trợ cho doanh nghiệp nữ.

Do đó, cần đánh giá thực tiễn áp dụng các quy định ưu tiên này để có những thay đổi phù hợp và ban hành thêm quy định hỗ trợ cụ thể hơn cho doanh nghiệp nữ.

3.3 Xây dựng khung chiến lược về phát triển doanh nghiệp nữ

Cần xây dựng một khung chiến lược cụ thể, xác định các mục tiêu trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn, từ việc thay đổi nhận thức của xã hội đến các chính sách hỗ trợ, phát triển những dịch vụ kinh doanh đáp ứng được những nhu cầu của doanh nghiệp nữ.

Khung chiến lược phải được xây dựng và có sự tham gia ý kiến của các bên liên quan, đặc biệt là các doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp nữ.

Khung chiến lược cũng cần đặt ra những chỉ tiêu cụ thể để đạt được các mục tiêu, đưa ra chương trình hành động cụ thể (cách thức thực hiện và đánh giá) để đạt được chỉ tiêu đặt ra, đồng thời giao trách nhiệm hỗ trợ doanh nghiệp nữ cho các cơ quan cụ thể ở cấp vùng và cấp địa phương.

3.4 Xây dựng các mô hình đào tạo, phương thức hỗ trợ thích hợp

Mức độ phù hợp của các chương trình đào tạo của các đơn vị cung cấp DVHTKD dành cho các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ tại Việt Nam phụ thuộc vào ngành nghề, giai đoạn phát triển và quy mô của doanh nghiệp.

Các doanh nghiệp nữ chủ yếu có quy mô nhỏ, siêu nhỏ, ở nhiều vùng, miền khác nhau, do đó, cần tìm hiểu rõ nhu cầu của DN, từ đó có các hình thức hỗ trợ thích hợp. Ví dụ, với các DN siêu nhỏ ở nông thôn, nên tổ chức hội chợ nhỏ kèm theo tuyên truyền kiến thức qua các cuộc họp xã phường.

Những hỗ trợ về bồi dưỡng kiến thức quản trị nên phù hợp với nhu cầu, thời gian và nguồn lực của doanh nhân nữ, bám sát thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Các khóa học này nên được thiết kế dựa trên nền tảng website, ứng dụng trên nền tảng di động nhằm tăng cường tiếp cận, tiết kiệm nguồn lực và thời gian, đặc biệt là cho các doanh nhân nữ ở các vùng xa trung tâm.

3.5 Tăng cường đào tạo và ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng hệ thống tài nguyên trực tuyến

Báo cáo của IFC về doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ tại Việt Nam chỉ ra rằng phụ nữ có nhu cầu dịch vụ công nghệ thông tin (IT) cao (61%) trong đó 32% đã được cung cấp các dịch vụ này. Cũng theo báo cáo này, nam giới được chính phủ và các doanh nghiệp tư nhân hỗ trợ IT nhiều hơn trong khi phụ nữ phải thông qua các hiệp hội doanh nghiệp để tiếp cận dịch vụ này. Các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ của Việt Nam cần được đào tạo thêm về công nghệ thông tin và truyền thông để có thể quản lý doanh nghiệp hiệu quả cũng như mở rộng hoạt động tiếp thị nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh trên toàn cầu.

Bên cạnh đó, có rất nhiều tài nguyên trên mạng rất hữu ích. Do đó, nên thành lập thư viện tài nguyên hoặc nền tảng trực tuyến để cung cấp sách báo và các tài liệu hướng dẫn, những bài học, thực tiễn tốt, những kiến thức quản trị, hoặc nội dung DVHTKD, bao gồm cả những tài liệu nước ngoài được dịch sang tiếng Việt, bảo đảm các doanh nghiệp phụ nữ làm chủ, đặc biệt là doanh nghiệp nữ ở nông thôn có thể tiếp cận và tham khảo. Đây là phương pháp chi phí thấp nhưng quy mô tác động rộng lớn trong việc cung cấp các DVHTKD cho doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ.

3.6 Xã hội hóa các đơn vị cung cấp DVHTKD, tăng cường phối hợp giữa các đơn vị, tổ chức cung cấp DVHTKD

Các dữ liệu từ khảo sát và phỏng vấn sâu trong báo cáo này cho thấy phần lớn các DVHTKD do khối cơ quan nhà nước cung cấp. Trong khối tư nhân, số lượng nhà cung cấp DVHTKD dành riêng cho các doanh nghiệp nữ là rất hạn chế.

Các dịch vụ sự nghiệp công hầu hết do các cơ quan nhà nước thực hiện trong quy trình gần như khép kín, gắn với chức năng quản lý nhà nước; có nguy cơ gây ra tình trạng không minh bạch (vừa đá bóng vừa thổi còi, vừa cấp phép vừa thẩm định năng lực...). Các điều kiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công do Nhà nước ban hành và cơ quan nhà nước ở các cấp trực tiếp thực hiện dịch vụ sự nghiệp công. Việc kiểm tra tính tuân thủ các điều kiện dịch vụ sự nghiệp công cũng do cơ quan nhà nước thực hiện.

Do đó, Nhà nước cần tạo điều kiện cho các DVHTKD phát triển mạnh mẽ hơn trong thời gian tới, bằng cách tạo thuận lợi cho việc xã hội hóa các dịch vụ sự nghiệp công và xem xét, rà soát để các điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực này thuận lợi hơn cho doanh nghiệp.

Huy động sự tham gia của khu vực tư nhân vào cung cấp các dịch vụ sự nghiệp công sẽ mang đến nhiều lợi ích:

- Nâng cao chất lượng các dịch vụ, đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp, qua đó góp phần tăng sức cạnh tranh của ngành dịch vụ, doanh nghiệp và nền kinh tế Việt Nam.
- Thu gọn bộ máy quản lý nhà nước theo đúng chức năng cốt lõi. Bộ máy nhà nước tập trung vào công tác xây dựng và hoàn thiện thể chế, ưu tiên hàng đầu hiện nay.
- Minh bạch hóa và phân định việc thực hiện công vụ của cơ quan công quyền và cung cấp dịch vụ sự nghiệp công do các tổ chức cá nhân thực hiện để tránh chồng chéo, ngăn ngừa “xung đột lợi ích”.
- Huy động được nhiều nguồn lực trong xã hội, từ khu vực tư nhân đầu tư vào dịch vụ sự nghiệp công.
- Thực hiện chính sách thúc đẩy phát triển doanh nghiệp, tạo cơ hội để các doanh nghiệp được tham gia bình đẳng tham gia đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ sự nghiệp công.

Điều các doanh nghiệp thực sự cần là những cơ hội và một môi trường bình đẳng chứ không phải nhận được sự hỗ trợ miễn phí. Nhà nước cần đóng vai trò tạo thuận lợi cho các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp.

3.7 Đẩy mạnh công khai, minh bạch thông tin về hỗ trợ doanh nghiệp

Cần minh bạch hóa việc triển khai các chính sách chương trình hỗ trợ doanh nghiệp để doanh nghiệp biết được kịp thời và có thể dễ dàng tiếp cận chính sách ưu đãi.

Các trình tự, thủ tục, việc lựa chọn doanh nghiệp để ưu đãi, hỗ trợ cũng cần được công khai minh bạch và có bên thứ ba tham dự đánh giá và giám sát. chương trình hỗ trợ doanh nghiệp của tỉnh. Kết quả chỉ các doanh nghiệp lớn thì

lại tận dụng được các chương trình hỗ trợ, trong khi đối tượng cần đặc biệt quan tâm hỗ trợ là các doanh nghiệp nhỏ thì lại không biết và khó tiếp cận.

Việc công khai, minh bạch này có thể thực hiện trên cổng thông tin của chính quyền địa phương, thông báo tại nơi làm thủ tục hành chính, thông báo qua các hiệp hội doanh nghiệp, công khai trên các phương tiện truyền thông.

3.8 Nâng cao năng lực cho các tổ chức đại diện doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nữ

Các hiệp hội doanh nghiệp tại Việt Nam nói chung, đặc biệt là các hiệp hội/hội/câu lạc bộ doanh nhân/doanh nghiệp nữ, còn nhiều hạn chế trong năng lực ở nhiều khía cạnh: cung cấp dịch vụ cho hội viên, tạo nguồn thu, áp dụng công nghệ thông tin, quản trị hiệp hội, phản biện và góp ý chính sách, tăng cường và xây dựng liên kết quốc tế... Trong đó, các DVHTKD cũng nằm trong các dịch vụ cung cấp cho hội viên.

Do đó, cần phải nâng cao năng lực cho các hiệp hội doanh nghiệp, chia sẻ, học tập các thực tiễn tốt. Ví dụ như: tập trung vào thế mạnh của hiệp hội, ví dụ như kiến thức chuyên môn (đối với các hiệp hội ngành hàng), thương hiệu hoặc mối quan hệ với doanh nghiệp thì hiệp hội có thể trực tiếp tham gia thực hiện. Trong khi đó, các công việc ít liên quan hơn có thể sẽ cần tới một bên thứ ba có thế mạnh về những công việc này để hỗ trợ cung ứng dịch vụ. Cách làm này có thể được thấy rõ qua hình thức thuê ngoài dịch vụ, một hình thức hợp tác rất phổ biến tại các hiệp hội ngành hàng hoặc các hiệp hội doanh nghiệp cấp địa phương ở những thành phố lớn. Các hiệp hội cũng có thể hợp tác trong đào tạo, đóng vai trò cầu nối cung và cầu với loại hình dịch vụ này.

Các hiệp hội nữ doanh nhân có thể tiếp cận các tổ chức và sáng kiến toàn cầu cung cấp các DVHTKD cho các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ tại các quốc gia thu nhập trung bình và thấp để xác định xem Việt Nam có tham gia được vào chương trình của các tổ chức và sáng kiến này hay không. Trong trường hợp lý tưởng, những chương trình này có thể có hoạt động tại Việt Nam hoặc tối thiểu có thể làm cầu nối để các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ có thể tiếp cận sử dụng dịch vụ của các tổ chức đó.

Các hiệp hội doanh nhân nữ và các tổ chức trong nước và quốc tế liên quan khác xây dựng năng lực cho các câu lạc bộ và hiệp hội phụ nữ kinh doanh nhằm chuyên nghiệp hóa công tác cung cấp dịch vụ.

Các hiệp hội doanh nhân nữ và các tổ chức liên quan phối hợp với các tổ chức quốc tế nhằm tăng cường vai trò của các doanh nhân nữ trong các hiệp hội doanh nghiệp khác nhau nhằm: a) điều chỉnh dịch vụ của các tổ chức này cho phù hợp với các doanh nhân nữ; và b) đảm bảo các hiệp hội đảm bảo bình đẳng khi đại diện cho doanh nhân nam và nữ.

Các Hiệp hội doanh nghiệp nói chung và các hiệp hội doanh nghiệp nữ cần vận động, xúc tiến tổ chức một hội chợ/triển lãm thương mại ở cấp quốc gia dành cho các sản phẩm của các doanh nghiệp do nữ làm chủ. Lợi ích mà sự kiện này mang lại là tạo điều kiện để doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ tiếp cận thị trường mới cũng như quy tụ các doanh nghiệp này để học hỏi kinh nghiệm và thành lập mạng lưới. Sự kiện này có thể được tổ chức kết hợp với các buổi tập huấn dành cho các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ trong những lĩnh vực khác nhau, ở các cấp độ của chuỗi giá trị hoặc ở các giai đoạn phát triển kinh doanh khác nhau. Nếu có thể, hiệu quả sẽ tăng lên khi tổ chức trùng vào thời điểm tổ chức tại Việt Nam một sự kiện của khu vực hoặc thế giới về doanh nhân nữ.

Hơn nữa, cũng cần có chính sách tăng cường vai trò của các nữ doanh nhân trong các hiệp hội kinh doanh nhằm làm cho hoạt động của các hiệp hội này phù hợp hơn với phụ nữ.

3.9 Xây dựng mạng lưới

Theo thực tiễn thành công tại một số nước trên thế giới, cũng như những gì đang diễn ra tại Việt Nam, việc tham gia các mạng lưới là rất hữu ích cho các doanh nhân nữ vì họ được tiếp xúc thường xuyên hơn với những chủ doanh nghiệp nữ khác để chia sẻ ý tưởng và kinh nghiệm và học tập lẫn nhau. Nhiều phụ nữ cho biết họ xem những phụ nữ khác là chuyên gia tư vấn không chính thức của mình nhưng cần phải có thêm các mạng lưới phụ nữ kinh doanh chính thức với quy mô rộng lớn hơn dành cho các chủ doanh nghiệp là nữ tại Việt Nam để thúc đẩy tiềm năng tăng trưởng của các doanh nghiệp này, chẳng hạn như xây dựng Hội đồng tư vấn kinh doanh cho phụ nữ hoặc Hội đồng về các vấn đề phát triển kinh doanh của phụ nữ, Hội đồng này có thể tham gia mạng lưới quốc tế của doanh nhân nữ.

Việc thúc đẩy mạng lưới liên kết của chính các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, giữa doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ với các doanh nghiệp trong nước, doanh nghiệp có vốn nước ngoài hoặc liên kết sản xuất, tiêu thụ với doanh nghiệp nước ngoài thông qua xuất khẩu sẽ là cách thức tốt để hỗ trợ tiếp cận thị trường cho doanh nghiệp nữ (qua việc giới thiệu các mối liên kết sản xuất, tham gia các chuỗi giá trị...). Điều này đòi hỏi cần có cơ sở dữ liệu và hoạt động mạnh mẽ của các Hiệp hội/Hội, Hội đồng Doanh nhân nữ và tham tán thương vụ thương mại ở trong và ngoài nước.

3.10 Thành lập Trung tâm hỗ trợ phụ nữ trong kinh doanh/ Vườn ươm doanh nghiệp nữ

Những mô hình Trung tâm Hỗ trợ Phụ nữ trong kinh doanh trên thế giới đã chứng minh được tính hiệu quả tại các quốc gia có thu nhập cao và có thể bao gồm một số dịch vụ phù hợp với hoàn cảnh của Việt Nam.

Các hiệp hội nữ doanh nhân với sự hỗ trợ của Chính phủ nên tiến hành nghiên cứu khả thi để xem xét khả năng thí điểm một vườn ươm nữ doanh nhân tại Hà Nội và/hoặc Tp. Hồ Chí Minh. Các dịch vụ có thể gồm các khóa tập huấn liên tục trong suốt thời gian ươm tạo, hỗ trợ xây dựng mạng lưới, cố vấn, với mục tiêu trở thành mô hình một cửa phục vụ các doanh nghiệp nữ khởi nghiệp. Các trung tâm cũng có thể đóng vai trò giới thiệu doanh nghiệp tới các nhà đầu tư, các doanh nghiệp đầu tư mạo hiểm...

3.11 Cần có dữ liệu thống kê phân tách giới

Hiện nay, các số liệu thống kê chính thức về doanh nghiệp của Việt Nam hầu như không phân tách theo giới, do đó, rất khó thống kê và đánh giá được tình hình trong khối các doanh nghiệp nữ.

Do đó, các số liệu điều tra, thống kê về kinh tế cần phân tách theo giới để có thể đánh giá theo nhiều chiều cạnh, đặt ra các mục tiêu phát triển và tăng trưởng trong khối doanh nghiệp nữ.

Bởi vì “Bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ đang và mãi mãi sẽ là khoản đầu tư hứa hẹn nhất, tiềm năng và đem lại lợi nhuận cao nhất, đây là một khoản đầu tư đúng đắn, thông minh và hết sức cần thiết để xóa đói giảm nghèo; tăng trưởng kinh tế toàn diện, bền vững và nhanh chóng; giảm bất bình đẳng và không bỏ lại ai phía sau; cũng như để đem lại sự phát triển bền vững cho tất cả mọi người”⁵, do đó, các biện pháp thúc đẩy doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ phát triển và tăng trưởng là rất cần thiết.

Cần có các biện pháp đồng bộ từ rất nhiều phía trong xã hội, từ các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương, từ chính các doanh nhân nữ, từ các tổ chức đại diện doanh nghiệp, các nhà tài trợ, tổ chức phi chính phủ, các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ... để cung cấp DVHTKD cho doanh nghiệp nữ một cách thực sự hiệu quả, thúc đẩy cộng đồng doanh nghiệp nữ phát triển cả về lượng và chất, giúp Việt Nam nhanh chóng tiến tới mục tiêu phát triển bền vững, thực hiện thành công Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới.

⁵ Bà Lakshmi Puri - Phó Tổng giám đốc Điều hành UN Women, phát biểu trước đại biểu của 21 nền kinh tế thành viên APEC (Đối thoại công - tư về Phụ nữ và Kinh tế trong khuôn khổ Diễn đàn Phụ nữ và Kinh tế APEC năm 2017 tại tỉnh Thừa Thiên Huế)